

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 43 dự án do Sở Xây dựng và các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Hà Trung, Hoằng Hóa, Nông Cống, Nghi Sơn, Quảng Xương, Sầm Sơn, Thạch Thành, Thọ Xuân, Yên Định làm Chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10296/TTr-SXD ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 43 dự án do Sở Xây dựng và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực: Hà Trung, Hoằng Hóa, Nông Cống, Nghi Sơn, Quảng Xương, Sầm Sơn, Thạch Thành, Thọ Xuân, Yên Định làm chủ đầu tư (Kèm theo kết quả thẩm định nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn của Sở Tài chính tại Văn bản số 11849/STC-THQH ngày 11 tháng 11 năm 2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 43 dự án do Sở Xây dựng và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực: Hà Trung, Hoằng

Hóa, Nông Công, Nghi Sơn, Quảng Xương, Sầm Sơn, Thạch Thành, Thọ Xuân, Yên Định làm chủ đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực nêu trên tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực nêu trên theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực: Hà Trung, Hoằng Hóa, Nông Công, Nghi Sơn, Quảng Xương, Sầm Sơn, Thạch Thành, Thọ Xuân, Yên Định; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, KTTC, NNMT, CN(v).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN 43 DỰ ÁN DO SỞ XÂY DỰNG VÀ CÁC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC: HÀ TRUNG, HOÀNG HÓA, NÔNG CỐNG, NGHI SƠN, QUẢNG XƯƠNG, SÀM SƠN, THẠCH THÀNH, THỌ XUÂN, YÊN ĐỊNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)							Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh				
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa					
1	Xây dựng nhà lớp học Trường THPT Quảng Xương 1, huyện Quảng Xương	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quảng Xương	QĐ số 5405/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	30.000		14.000	16.000				17.961,766	12.038,234		
2	Cầu Tiên Long bắc qua sông Lý, xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương		QĐ số 5358/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	38.300		31.995	6.305				37.967,9	332,1		
3	Trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thọ Xuân	Các QĐ số: 5360/QĐ-UBND ngày 17/12/2020; 2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	45.537,705		45.537,705					45.237,705	300		
4	Tuyến đường thị trấn Thọ Xuân đi đô thị Lam Sơn - Sao Vàng		Các QĐ: số 4528/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2699/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	316.878		276.878	40.000				253.201,623	63.676,377		
5	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân		QĐ số 1015/QĐ-UBND ngày 22/03/2022	256.400		150.000	106.400				205.881,844	50.518,156		
6	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1)		QĐ số 1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	175.971,904		50.000	125.971,904				155.716,717	20.255,187		
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh-Đông, huyện Hoàng Hóa (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hoàng Hóa	QĐ số 7082/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	591.720,094			591.720,094				161.915,882	429.804,212		
8	Đường từ Quốc lộ 10 đi Khu du lịch Hải Tiến huyện Hoàng Hóa (giai đoạn 1)		Các QĐ số: 689/QĐ-UBND ngày 05/05/2022; 5615/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	390.504,976			390.504,976				225.255,181	165.249,795		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)							Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh				
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa					
9	Đường nối QL 1A với QL 45 từ xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (đoạn từ nút giao với QL1A đến cầu vượt sông Mã)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hoàng Hóa	QĐ số 3376/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	306.669			306.669				122.831,837	183.837,163		
10	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Hoàng Kim - Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa		QĐ số 2757/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	245.000			245.000				23.475,127	221.524,873		
11	Mở rộng và tôn tạo khu di tích lịch sử quốc gia Đền thờ tướng quân Cao Bá Diễn, xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa		Các QĐ số: 1107/QĐ-UBND ngày 12/4/2017; 3140/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	25.757,083		25.757,083					23.011,087	2.745,996		
12	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa.		Các QĐ số: 3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 4052/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	191.728,553	24.000	89.813	77.915,553			24.000	104.979,853	62.748,7		
13	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư ở các xã Hoàng Tiến, Hoàng Ngọc, Hoàng Đạo để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa		QĐ số 691/QĐ-UBND ngày 26/02/2018	119.984,082			119.984,082				15.739,155	104.244,927		
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoàng Hóa (giai đoạn 2)		QĐ số 1258/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	200.000		67.500	132.500				174.062,934	25.937,066		
15	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa		QĐ số 877/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	200.837		120.000	80.837				198.177	2.660		
16	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đền thờ Lê Phụng Hiểu, xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa (nay là xã Hoàng Sơn, tỉnh Thanh Hóa)		Các QĐ số: 7344/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 790/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	28.315,282		8.000,000	20.315,282				19.770,460	8.544,822		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)							Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh				
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa					
17	Xây dựng tuyến đường gom, hàng rào ngăn cách để từng bước xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn huyện Hà Trung; Hàng mục: Đoạn 1 từ Km146+425 đến Km146+890, chiều dài L=465m và Đoạn 2 từ Km149+205 đến Km149+400, chiều dài L=195m	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	QĐ số 3792/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	9.872,005		4.000	5.872,005				7.129,580	2.742,425		
18	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương, huyện Hà Trung		12191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; 363/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	140.000			140.000				99.100,63	40.899,37		
19	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn		Các QĐ số: 4216/QĐ-UBND ngày 02/11/2024; 1241/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 2732/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	460.000			385.000	75.000			198.707,718	186.292,282	75.000	
20	Đầu tư nâng cấp, xây dựng đường gom cụm công nghiệp Hà Bình (Hà Bình - Hà Lai), huyện Hà Trung		Các QĐ số: 2476/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; 1568/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; 1443/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	33.972,115		17.800	16.172,115				30.830,532	3.141,583		
21	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh)-Cụm di tích Đền Hàn, Cò Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung		Các QĐ số: 4544/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1828/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	150.000		104.000	46.000				114.508	35.492		
22	Xây dựng Trường THPT Hoàng Lê Kha, huyện Hà Trung		Các QĐ số: 720/QĐ-UBND ngày 04/3/2021; 3208/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	78.894,281		64.000	14.894,281				70.376,889	8.517,392		
23	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung		QĐ số 1849/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	144.994,862		87.000	39.000		18.994,862		99.570	26.430		18.994,862

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)							Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh				
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa					
24	Đầu tư xây dựng Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thạch Thành	QĐ số 2271/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	6.621,313		5.000	1.621,313				5.621,313	1.000		
25	Đường giao thông xã Thành Minh - Thành Yên, huyện Thạch Thành		Các QĐ số: 975/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; 1295/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	82.893,88	82.893,88					29.833,00	53.060,88			
26	Đường giao thông vào khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (Đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950)		QĐ số 1016/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	64.131,374		57.723	6.408,374				64.131,374			
27	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (GD1)		QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	247.949,56		127.000	120.949,56				207.091,872	40.857,688		
28	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thạch Thành 4, huyện Thạch Thành		QĐ số 3428/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	33.990		30.591	3.399				33.990			
29	Đường giao thông xã Thành Thọ, Thành An, Ngọc Trạo, Thành Tâm, huyện Thạch Thành (giai đoạn I)		QĐ số 1576/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	128.760,427		60.000	68.760,427				128.760,427			
30	Cầu Chuối Km103+558 (Quốc lộ 45 cũ), huyện Nông Cống	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nông Cống	QĐ số 3663/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	34.869		15.000	19.869				16.869	18.000		
31	Xây dựng cầu Ngọc Lắm 2, xã Trường Giang, huyện Nông Cống		QĐ số 1357/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	110.000		45.000	65.000				105.608,127	4.391,873		
32	Đường nối Khu công nghiệp Tượng Lĩnh đi tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống		QĐ số 496/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	89.000		45.000	44.000				89.000			
33	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa		QĐ số 2637/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	282.000	72.000	18.000	192.000			72.000	210.000			

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)							Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh				
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa					
34	Trung tâm y tế huyện Nông Cống	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nông Cống	QĐ số 2092/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	27.995		19.600	8.395				24.695	3.300		
35	Xây dựng nhà học bộ môn 02 tầng 06 phòng và nhà đa năng Trường THPT Nông Cống 4, huyện Nông Cống		QĐ số 4857/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	14.274,752		9.992,326	4.282,426				10.925,154	3.349,598		
36	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Nông Cống I, huyện Nông Cống		QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 13/01/2025	12.397,161		8.678,013	3.719,148				12.397,161			
37	Đường giao thông kết nối QL45 đoạn từ thị trấn Nông Cống đi huyện Triệu Sơn (Cầu Nỏ Hèn)		QĐ số 3090/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	688.600		688.600					688.600			
38	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoành đến đường tránh phía Nam thị trấn Quán Láo	Ban QLDA ĐTXD khu vực Yên Định	QĐ số 2279/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	250.000		75.000	175.000				123.860,194	126.139,806		
39	Đầu tư, nâng cấp trường THPT Yên Định 2, huyện Yên Định		QĐ số 3364/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	19.000		13.300	5.700				18.762,8	237,2		
40	Đường tránh QL45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Láo, huyện Yên Định		Các QĐ số: 4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016; 651/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	311.910		60.000	251.910				181.666,846	130.243,154		
41	Di dân, sắp xếp dân cư, tái định cư một số hộ dân thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghi Sơn	Các QĐ số: 2622/QĐ-UBND ngày 01/8/2022; 1826/QĐ-UBND ngày 08/05/2024	497.620	146.520	300.000	51.100			146.520	351.100			
42	Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Thượng (GD1) để GPMB xây dựng khu công nghiệp Luyện Kim		Các QĐ số: 3991/QĐ-UBND ngày 19/10/2017; 3385/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	107.186,619		25.000	82.186,619				61.566,883	45.619,736		
43	Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá	Sở Xây dựng	Các QĐ số: 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021; 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1.089.338	716.600	202.000	170.738			716.600	214.171	158.567		